

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06- 7- 2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Tùng**- Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

2. Bà **Đoàn Sơn Lâm**– Nguyên cán bộ huyện Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh ngày 01/8/1999. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng D**, sinh ngày 24/3/1998. Có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện V, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoàng D do tự quen biết, cùng yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018. Có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2020 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do ông D có người phụ nữ khác bên ngoài, đánh đập và dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự của bà dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc. Trong thời gian ly thân, cả hai không gặp nhau, không yêu thương quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin

được ly hôn với ông D. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 17/10/2018. Từ khi ly thân cho đến nay cháu T sống với ông D. Khi ly hôn, bà Nga yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng D trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng cự cãi bà Nga tự bỏ nhà đi. Nay bà Nga yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Nhưng về con chung thì ông xin được nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con vì từ khi bà N bỏ đi lúc đó con mới được một tuổi rưỡi thì tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông D. Về con chung: Giao cháu T cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà N yêu cầu ly hôn với ông D nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông D có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn T, huyện V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông D, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà N thì cuộc sống của ông, bà không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn về tình cảm, ông D không quan tâm chăm sóc vợ con, có người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên cự cãi. Nên ông, bà đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Từ khi ly thân cả hai không gặp nhau cũng như không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng, ông D đồng ý ly hôn vì bà N đã không mong muốn hàn gắn tình cảm. Đồng

thời, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương về hôn nhân cho thấy hiện nay ông, bà không còn chung sống với nhau là sự thật và con chung là cháu T hiện do ông D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Bà N và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 17/10/2018. Từ khi ly thân năm 2020 đến nay cháu T sống với ông D. Khi ly hôn, cả bà N và ông D đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi cháu T mới một tuổi rưỡi thì bà N đã bỏ nhà đi và cháu T sống với ông D cho đến nay. Qua xác minh ông D cũng không có hành vi nào đối xử không tốt với cháu T và luôn ở bên cạnh quan tâm chăm sóc cháu vì ông có cửa hàng sửa xe, cầm xe ngay tại nhà thu nhập hàng tháng gần 17.000.000 đồng nên cháu T luôn được sống gần cha. Ngược lại bà N từ khi ly thân 2020 đến nay bà đi làm xa và sinh sống tại tỉnh Bình Dương công việc chính là làm công nhân lương tháng chỉ khoảng 6.000.000 đồng nếu giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng thì bà cũng sẽ để cháu ở lại quê nhà với ông bà ngoại, dẫn đến việc cháu T sẽ không có tình thương của cha lẫn mẹ vì bà N cũng không ở cạnh cháu. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc nuôi dưỡng cháu T là có cơ sở và để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho cháu, nên cần tiếp tục giao cháu T cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông D cho rằng có khả năng nuôi con nên không yêu cầu bà N cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc bà N phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D.

2. Về con chung: Có 01 con chung. Giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 17/10/2018 cho ông Nguyễn Hoàng D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006182 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà N đã nộp và chi xong.

5. Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào

